

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2022/HC-PT
Ngày: 08/7/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội Đ xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị T Bình;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 350/2021/TLPT-HC ngày 24 tháng 9 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2021/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5640/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Hg Thị N, sinh 1950; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Hữu S, sinh 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn TT, xã BL, huyện TX.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện TX, Thanh Hóa

Đại diện theo pháp luật: Ông Hg Văn Đ - Chủ tịch UBND huyện TX, Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu D- Phó chủ tịch UBND huyện TX, Thanh Hóa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã BL, huyện TX, Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H - Chủ tịch UBND xã BL; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Đ2 - Phó chủ tịch UBND xã BL; vắng mặt.

3.2. Anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T; đều có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn TT, xã BL, huyện TX.

4. Người kháng cáo: Chị Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện bà Hg Thị N trình bày ý kiến:

Vợ chồng bà có thửa đất tại thôn TT, xã BL, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Được cấp năm 1984 tại thửa số 1104, tờ bản đồ số 1, với diện tích 800m² (trong đó đất thổ cư 300m², đất màu vườn 500m²) chủ sử dụng là ông Lê Hữu Hậu (chồng bà N đã mất tháng 7 năm 2020). Sau đó xã cắt bớt cho các gia đình khác nên theo sơ đồ địa chính năm 1995 thì thửa số 1104, tờ bản đồ số 02 diện tích là 600m² (trong đó đất thổ cư 200m², đất màu vườn 400m²) chủ sử dụng là ông Lê Hữu Hậu và bà Hg Thị N. Năm 1995, vợ chồng bà bán bớt cho ông Lê Văn Hà, hiện nay còn lại 352m²; diện tích đất này chỉ thể hiện trên sơ đồ địa chính của xã mà chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) đất. Vì do vợ chồng bà hay đi vắng nên bà đã cho con trai và con dâu bà là anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T được ở tạm trên đất để trông coi và sử dụng. Đến tháng 3/2021; vợ chồng anh S, chị T ly hôn thì bà mới biết đất của vợ chồng bà đã được UBND huyện TX cấp GCNQSD đất cho anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T, GCNQSD đất số seri AD452767, số vào sổ GCN: H00867, ngày cấp 28/7/2006. Sau khi biết sự việc bà đã có đơn lên UBND xã vào ngày 09/3/2021 và đã được UBND xã gọi hai bên lên giải quyết nhưng không thành. Vì vậy bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy GCNQSD đất mang tên anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T để trả lại đất cho bà.

Quan điểm của UBND huyện TX tại Công văn số 942/UBND-TNMT ngày 30/4/2021.

Về nguồn gốc đất:

Theo hồ sơ địa chính năm 1984: Thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 1, diện tích 800m², trong đó: diện tích đất thổ cư: 300m², đất màu vườn: 500m². Chủ sử dụng đất là ông Lê Hữu Hậu.

Theo hồ sơ địa chính năm 1995: Thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 2, diện tích 600m², trong đó: diện tích đất thổ cư: 200m², đất màu vườn: 400m². Chủ sử dụng đất là ông Lê Hữu Hậu và bà Hg Thị N.

Theo hồ sơ địa chính năm 2004: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 6. Chủ sử dụng đất là anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T. Trong đó: Diện tích: 352m², đất ở: 200m², đất CLN:152m². Nguồn gốc sử dụng đất: ĐG-CTT. Thửa đất đã được

UBND huyện cấp GCNQSD đất số seri AD452767, số vào sổ GCN: H00867, ngày cấp 28/7/2006.

Hiện tại phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện TX không có hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất của ông Hậu, bà N cho vợ chồng con trai ông S, bà T và cũng không có hồ sơ cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 6, theo hồ sơ đo đạc năm 2004, xã BL cho anh Lê Hữu S, chị Lê Thị T. Do đó, UBND huyện TX đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của UBND xã BL, huyện TX tại Công văn số 09/CV-UBND ngày 07/5/2021: Thống nhất như quan điểm của UBND huyện TX.

Ý kiến của người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu S:

Bố mẹ anh là bà Hg Thị N và ông Lê Hữu Hậu, sinh được 04 người con, anh là con trai cả trong gia đình; năm 1992, anh lấy vợ vì lý do chưa có tiền mua đất để ở riêng nên được bố mẹ cho ở cùng trên đất của bố mẹ. Đến năm 1998 thì chú em trai lấy vợ và ở lại làm kinh tế trong Gia Lai, vì vậy bố mẹ anh hay đi vắng lúc bố mẹ ở ngoài này lúc bố mẹ lại vào với con trai trong Gia Lai. Đến năm 2004, địa chính đến đo và vẽ sơ đồ khi đó bố mẹ anh không có nhà, thấy vợ chồng anh ở trên mảnh đất đó và đã ghi tên vào sổ. Đến năm 2006, thì anh thấy UBND cấp GCNQSD đất cho vợ chồng anh, khi đó anh nghĩ đất của bố mẹ cũng như đất của con nên anh không nói gì với bố mẹ, nên bố mẹ không biết vợ chồng anh đã được cấp GCNQSD đất. Đến tháng 3 năm 2021, vợ chồng anh ly hôn, chị Lê Thị T đòi chia một nửa đất của bố mẹ anh thì mẹ anh mới biết và đòi lại đất. Anh Đ ý trả lại đất cho bố mẹ nhưng chị T không Đ ý trả, nên đã được UBND xã gọi lên hòa giải nhưng không được. Vì vậy mẹ anh đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất của vợ chồng anh để trả lại đất cho mẹ.

Ý kiến chị Lê Thị T:

Chị và anh Lê Hữu S kết hôn năm 1992, cuối năm 1992 vợ chồng xin ăn riêng và ra ở riêng nhưng bố mẹ chồng chị là bà Hg Thị N có nói hai vợ chồng ra ở riêng thì đất đai của các cụ ngày xưa để lại không phải đất mua bán nên cất cho vợ chồng mảnh đất cuối vườn. Năm 1995, ông bà đi vùng kinh tế mới trong tỉnh Gia Lai, khi đi ông bà bán nhà cửa đất đai; đến năm 2006, vợ chồng chị được UBND xã BL, UBND huyện TX cấp GCNQSD đất diện tích là 352m² trong đó 200m² đất ở và 152m² đất trồng cây lâu năm. Từ đó đến nay vợ chồng chị đều H thành chỉ tiêu thuế của Nhà nước giao cho; đến năm 2019, vợ chồng chị ly hôn bà N từ trong Gia Lai về đòi lại đất. Việc bà N yêu cầu hủy GCNQSD đất của chị và anh S là không có căn cứ, chị không Đ ý với yêu cầu của bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2021/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điểm a Khoản 2 Điều 116; Điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 194; Khoản 1, Khoản 2 Điều 158 Luật Tố tụng

hành chính năm 2015; Khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003; Điểm đ Khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999; Điểm c Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hg Thị N. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TX cấp cho anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T, GCNQSD đất số seri AD452767, số vào sổ GCN: H00867, ngày cấp 28/7/2006.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 18/01/2022, người khởi kiện là bà Hg Thị N có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Ngày 14/3/2022, bà Hg Thị N có văn bản trình bày nội dung việc bà rút đơn khởi kiện là bị chị Lê Thị T lừa dối trong thời gian bà điều trị bệnh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lê Thị Thuý vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Hg Thị N.

Anh Lê Hữu S đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Thuý, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội Đ xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ngày 28/7/2006, anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T được UBND huyện TX cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AD452767, số vào sổ GCN: H00867. Đến tháng 3/2021, vợ chồng anh S chị T ly hôn thì bà Hg Thị N mới biết đất của vợ chồng bà đã được UBND huyện TX cấp GCNQSD đất cho anh S và chị T. Ngày 25/3/2021, bà N nộp đơn khởi kiện đề nghị hủy GCNQSD đất UBND huyện TX đã cấp cho anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết theo

quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật tổ tụng hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung khởi kiện của bà Hg Thị N thấy rằng:

[2.1]. Về nguồn gốc thửa đất:

Theo hồ sơ địa chính năm 1984: Thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 1, diện tích 800m², trong đó: diện tích đất thổ cư: 300m², đất màu vườn: 500m²; chủ sử dụng đất là ông Lê Hữu Hậu.

Theo hồ sơ địa chính năm 1995: Thửa đất số 1104, tờ bản đồ số 2, diện tích 600m², trong đó: diện tích đất thổ cư: 200m², đất màu vườn: 400m²; chủ sử dụng đất là ông Lê Hữu Hậu và bà Hg Thị N.

Theo hồ sơ địa chính năm 2004: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 6; chủ sử dụng đất là anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T. Trong đó: Diện tích là 352m², đất ở là 200m², đất CLN là 152m². Nguồn gốc sử dụng đất: ĐG-CTT. Thửa đất đã được UBND huyện cấp GCNQSD đất số seri AD452767, số vào sổ GCN: H00867, ngày cấp 28/7/2006 cho anh S và chị Thuý.

[2.2]. Về căn cứ cấp GCNQSD đất: Căn cứ vào hồ sơ địa chính các thời kỳ thể hiện nguồn gốc thửa đất là của ông Lê Hữu Hậu và bà Hg Thị N là đất thổ cư, sử dụng trước năm 1980, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Trong quá trình sử dụng đất ông Lê Hữu Hậu và bà Hg Thị N có thời gian vào miền Nam làm ăn và giao cho vợ chồng con trai cả là anh S, chị T quản lý, sử dụng nhà đất; nên anh S, chị T đã được chính quyền kê khai quyền sử dụng đất trong sổ mục kê, bản đồ địa chính từ năm 2004; ngày 28/7/2006 anh S và chị T được UBND huyện TX cấp GCNQSD đất. Căn cứ cấp GCNQSD đất là cấp theo hiện trạng người sử dụng đất, không xét đến nguồn gốc thửa đất, không kiểm tra, xác minh chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất. Không có tài liệu nào thể hiện ông Hậu, bà N đã tặng cho anh S và chị T nhà, đất tại thửa số 1625, tờ bản đồ số 6, tại thôn TT, xã BL, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

UBND huyện TX và UBND xã BL đều thừa nhận: Có sự chuyển giao đối tượng sử dụng đất nhưng không có hồ sơ, giấy tờ về việc tặng cho giữa ông Lê Hữu Hậu, bà Hg Thị N và vợ chồng anh Lê Hữu S, chị Lê Thị T.

Như vậy, UBND huyện TX cấp GCNQSD đất cho anh Lê Hữu S, chị Lê Thị T là không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003 và điểm đ khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hg Thị N hủy GCNQSD đất UBND huyện TX cấp cho anh Lê Hữu S và chị Lê Thị T số seri AD452767, số vào sổ GCN: H00867 ngày cấp 28/7/2006 là có căn cứ. Hội Đ xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị T.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2021/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ số tiền chị Thuý đã nộp 300.000 Đ theo Biên lai số 0013547 ngày 15/6/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị T Bình

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Hồ Sỹ Hưng

Nguyễn Tất Nam

Lê Thị T Bình

(

